

ỦY BAN DÂN TỘC

Số: 75 /BC-UBDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

Thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc báo cáo công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022. (Biểu mẫu kèm theo).

Ủy ban Dân tộc gửi Bộ Tài chính theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Các đơn vị dự toán thuộc UBDT;
- Công TTĐT UBDT (Chuyên mục CKNS);
- Lưu VT, KHTC.

**TL. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH**



Nguyễn Mạnh Huân

ỦY BAN DÂN TỘC**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số 75 /BC-UBDT ngày 18 /01/2023 của Ủy ban Dân tộc)

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2022 (*)	Dự toán thực hiện năm 2022	So sánh (%)
A	Tổng chi thường xuyên (1+2+3+4+5+6+7+8+9)	188.572	133.015	70,54
1	Chi quản lý hành chính	90.255	76.542	84,81
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	51.525	48.910	94,92
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	38.730	27.632	71,34
2	Nghiên cứu khoa học	6.675	5.220	78,20
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	6.525	5.058	77,52
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	0	0	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	6.525	5.058	77,52
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	0	0	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0	0	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	150	162	108
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	37.380	30.134	80,62
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	15.270	15.270	100
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	22.110	14.864	67,23
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	

TT	Nội dung	Dự toán năm 2022 (*)	Dự toán thực hiện năm 2022	So sánh (%)
5	Chi đảm bảo xã hội	0	0	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	
6	Chi hoạt động kinh tế	38.387	10.773	28,06
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.657	0	0
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	35.730	10.773	30,15
-	Vốn trong nước	5.490	5.316	96,83
-	Vốn nước ngoài	30.240	5.457	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	9.260	4.430	47,84
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.260	4.430	47,84
-	Vốn trong nước	9.260	4.430	47,84
-	Vốn nước ngoài	0	0	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	6.100	5.916	96,98
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.100	5.916	96,98
9	Chi tài chính và khác	515	0	0
B	Chi Chương trình mục tiêu	267.807	37.360	13,95
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	267.807	37.360	13,95
1.1	Tiểu dự án 2 – Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN. (Văn phòng ĐPCTMTQG thực hiện)	24.763	1.004	4,05

TT	Nội dung	Dự toán năm 2022 (*)	Dự toán thực hiện năm 2022	So sánh (%)
1.2	Tiểu dự án 2 – Dự án 5: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. (Học viện Dân tộc thực hiện)	19.277	0	0
1.3	Tiểu dự án 4 – Dự án 5: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp (Văn phòng ĐPCTMTQG thực hiện)	10.661	0	0
1.4	Tiểu dự án 1 – Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù. (Vụ Công tác dân tộc địa phương thực hiện)	4.806	106	2,21
1.5	Tiểu dự án 2 – Dự án 9: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. (Vụ Dân tộc thiểu số thực hiện)	8.200	1.099	13,40
1.6	Nội dung số 01 - Tiểu dự án 1 – Dự án 10: “Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín” thuộc Tiểu Dự án 1, Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Vụ Dân tộc thiểu số thực hiện)	15.000	5.910	39,40
a	Vụ Dân tộc thiểu số thực hiện	13.215	4.127	31,23
b	Tạp chí Dân tộc thực hiện	785	783	99,75
c	Báo Dân tộc và Phát triển thực hiện	1.000	999,6	99,96
1.7	Nội dung số 02 - Tiểu dự án 1 – Dự án 10: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số	143.493	28.810	20,08

TT	Nội dung	Dự toán năm 2022 (*)	Dự toán thực hiện năm 2022	So sánh (%)
a	Nhiệm vụ Phổ biến giáo dục pháp luật (Vụ Pháp chế chủ trì thực hiện).	8.000	5.319	66,49
b	Nhiệm vụ tuyên truyền, vận động thực hiện CTMQG	6.800	5.228	76,88
b.1	Giao Vụ Tuyên truyền	4.583	3.013	65,75
b.2	Giao Báo Dân tộc và Phát triển	1.500	1.500	100,00
b.3	Giao Tạp chí Dân tộc	717	715	99,67
c	Nhiệm vụ: Thực hiện cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí và nghiên cứu đổi mới hình thức cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đồng bào DTTS&MN, vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng CP. (Vụ Tuyên truyền chủ trì thực hiện)	55.290	324	0,59
d	Nhiệm vụ: Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào DTTS&MN theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng CP. (Vụ Tuyên truyền chủ trì thực hiện)	4.500	4.227	93,93
d.1	Giao Vụ Tuyên truyền	3.797	3.525	92,84
d.2	Giao Báo Dân tộc và Phát triển	703	702	99,86
e	Tuyên truyền, truyền thông vận động Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	37.946	10.581	27,88
e.1	Giao VPĐPCTMTQG	7.000	5.028	71,83
e.2	Giao Vụ Tuyên truyền	28.446	3.178	11,17
e.3	Giao Báo Dân tộc và Phát triển	1.500	1.500	99,97

TT	Nội dung	Dự toán năm 2022 (*)	Dự toán thực hiện năm 2022	So sánh (%)
e.4	Giao Tạp chí Dân tộc	1.000	875	87,50
g	Xây dựng phim tài liệu và tiểu phẩm hài tuyên truyền Tiểu dự án 9.2 “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”. (Vụ Dân tộc thiểu số thực hiện)	2.200	1.088	49,45
h	Xây dựng chuyên trang tuyên truyền Tiểu dự án 9.2 về tảo hôn/hôn nhân cận huyết thống vùng ĐBDTTS và MN trên một số báo, đài. (Vụ Dân tộc thiểu số thực hiện)	1.485	1.324	89,16
k	Tổ chức Hội nghị tập huấn tuyên truyền phổ biến pháp luật và triển khai thực hiện dự án 9.1 “Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù” trên địa bàn nhóm các dân tộc có khó khăn và khó khăn đặc thù. (Vụ Công tác dân tộc địa phương chủ trì thực hiện).	1.456	226	15,52
l	Xây dựng cuốn cẩm nang về kỹ năng thanh tra, kiểm tra Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi. (Thanh tra Ủy ban chủ trì thực hiện).	970	493	50,82
m	Nhiệm vụ Xây dựng Báo Dân tộc và Phát triển thành cơ quan truyền thông đủ năng lực đáp ứng yêu cầu về công tác dân tộc và thông tin tuyên truyền hiệu quả, kịp thời về Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021–2030 theo Nghị quyết 88/2019/QH14 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội. (Báo Dân tộc và Phát triển thực hiện).	14.846	0	0
n	Nhiệm vụ Xây dựng Tạp chí Dân tộc điện tử (Tạp chí Dân tộc)	10.000	0	0